

Bản án số: 64/2019/HC-ST

Ngày: 19/9/2019

*V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính
về xử lý vi phạm về thuế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn -
Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLST-HC ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc khởi kiện “quyết định hành chính về xử lý vi phạm về thuế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HC ngày 30/7/2019; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 101/209/TB-TA ngày 07/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-HC ngày 29/8/2019 giữa:

- Người khởi kiện: Công ty G;

Địa chỉ: Số 2 R du C D 705001 Paris, France

Người đại diện theo pháp luật: Ông E – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T1, sinh ngày 07/5/1983;

Nơi cư trú: Tầng 1, CT13B Khu đô thị C, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện: Cục trưởng Cục T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Năng H - Cục trưởng Cục T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ N – Phó Cục trưởng Cục T;

Địa chỉ nơi làm việc: Cục T tỉnh Hải Dương, đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai người khởi kiện trình bày:

Công ty G (gọi tắt là G) hoạt động trong lĩnh vực kỹ thuật và xây dựng, được thành lập theo pháp luật của nước Cộng hòa Pháp, có trụ sở tại Pháp. Để thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy xay xát thức ăn gia súc tại khu Công nghiệp T2, huyện C, tỉnh Hải Dương, G đã được Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương cấp Giấy phép thầu theo Quyết định số 03A/QĐ-GPT-SXD ngày 06/5/2011. Công ty thực hiện việc nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu.

Ngày 25/5/2016, Cục T đã ban hành quyết định số 2252/QĐ-TCT về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty G với nội dung: *Truy thu thuế GTGT là 2.631.207.752 đồng; truy thu thuế TNDN là 2.499.647.364 đồng; phạt một lần tiền thuế tính trên số thuế bị truy thu với số tiền 5.130.855.116 đồng.* Công ty G không đồng ý với quyết định trên đã khiếu nại lần thứ nhất số G – 07 ngày 04/8/2016, đối với quyết định 2252/QĐ-TCT.

Ngày 21/9/2016, Cục T ban hành Quyết định số 4796/QĐ-CT về việc giải quyết đơn khiếu nại lần thứ nhất đối với công ty: Cục T không công nhận nội dung khiếu nại của Công ty G tại đơn khiếu nại số G – 07 ngày 04/8/2016.

Công ty G không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ nhất và đã khiếu nại lần thứ hai số G – 09 ngày 30/9/2016 lên Tổng Cục T.

Ngày 23/01/2017, Tổng Cục T đã ban hành quyết định số 130/QĐ-TCT về việc giải quyết khiếu nại lần thứ hai của Công ty G với nội dung:

Điều 1. Công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại đề ngày 30/9/2016 của Công ty G gửi Tổng cục T, cụ thể:

Không truy thu và xử phạt vi phạm hành chính về thuế TNDN nhà thầu nước ngoài đối với khoản thanh toán 47.493.299.992 đồng.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Cục T tỉnh Hải Dương có trách nhiệm xác định lại số thuế GTGT nhà thầu bị truy thu, số tiền phạt tương ứng và ban hành quyết định sửa đổi Quyết định số 2252/QĐ-CT ngày 25/5/2016 về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế.

Ngày 14/02/2017, Cục T tỉnh Hải Dương đã ban hành quyết định số 510/QĐ-CT về việc “Xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế” đối với Công ty G như sau: Truy thu thuế GTGT 2.499.647.364 đồng; phạt một lần tiền thuế tính trên số thuế truy thu với số tiền 2.499.647.364 đồng. Công ty G không đồng ý với Quyết định 510/QĐ-CT ngày 14/2/2017 của Cục T tỉnh Hải Dương vì Công ty G không có trách nhiệm phải kê khai và nộp thuế GTGT khi thanh toán tiền cho công ty S (số tiền 47.493.299.992 đồng), bởi các lý do sau: ***Thứ nhất***, công ty S không phải là nhà thầu nước ngoài chính và cũng không phải

là nhà thầu phụ nước ngoài phụ trong hợp đồng với Công ty CP chăn nuôi V. Công ty S không có tên trong danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng chính. Trong quá trình thực hiện dự án, Công ty G có ký hợp đồng thỏa thuận cho dự án A332 - C – Nhà máy thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam ngày 12/3/2013 với công ty S có trụ sở tại Pháp để thực hiện một số công việc sau:

- *Nghiên cứu tính khả thi và tối ưu hóa của quá trình thực hiện;*
- *Giám sát bổ sung quá trình thực hiện hợp đồng giữa G và khách hàng CP*

V;

- *Nghiên cứu kỹ thuật.*

Tổng giá trị hợp đồng đã được G thanh toán cho công ty S là 47.493.299.922 đồng. Số tiền này được thanh toán ngày 17/12/2013, sau khi công ty G quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài trên toàn bộ số doanh thu 83.285.376.911 đồng (487.829.294.973 đồng – 404.543.981.062 đồng).

Qua xem xét Hợp đồng sau lần sửa đổi cuối cùng (Lần thứ IV) ngày 28/3/2013 giữa công ty Chăn nuôi CP V và công ty G, tổng giá trị hợp đồng là 15.368.193,10 Euro và 43.322.829.575 đồng. Giá trị hợp đồng được thanh toán thành nhiều giai đoạn. Tổng giá trị nghiệm thu quyết toán với Công ty chăn nuôi CP V chưa bao gồm thuế GTGT là 487.829.294.973 đồng. Giá trị công ty S được công ty G thanh toán chiếm 9,7% trên tổng giá trị hợp đồng đã ký kết giữa Công ty G với Công ty chăn nuôi CP V.

Căn cứ mẫu hồ sơ mời thầu kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/5/2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư và điểm a khoản 8 Điều 89 Luật đấu thầu 2013, mặc dù công ty S có ký kết hợp đồng với Công ty G cho dự án A322-C nhưng không có tên trong danh sách nhà thầu phụ kèm theo hợp đồng thầu chính của công ty G không vi phạm pháp luật Việt Nam, không thay đổi bản chất, nội dung của hợp đồng giữa công ty G với công ty chăn nuôi CP V. Do đó, công ty S không phải nhà thầu chính và cũng không phải nhà thầu phụ nước ngoài.

Thứ hai, bản chất của công ty S là một nhà cung cấp dịch vụ, như một yếu tố đầu vào của Công ty G tại Pháp cần để thực hiện dự án ở Việt Nam. Như vậy, “Bản chất hợp đồng là công ty S tư vấn cho công ty G trong quá trình thực hiện hợp đồng với Công ty chăn nuôi CP V” chứ không phải chỉ “Nghiên cứu về tính khả thi và tối ưu hóa vận hành của G phục vụ cho việc vận hành của nhà máy”. Công ty S không tham gia vào các công việc cụ thể của dự án nhà máy thức ăn chăn nuôi CP tại V như giám sát, lắp đặt... hay bất cứ một giai đoạn cụ thể trong hợp đồng. Vì thế công ty S không thuộc đối tượng áp dụng quy định về thuế nhà thầu tại Việt Nam. Do đó, Công ty G cũng không có trách nhiệm kê khai và nộp thay thuế nhà thầu khi thanh toán tiền cho Công ty S. Đề nghị TAND tỉnh Hải

Dương tuyên hủy Quyết định số 510/QĐ-TCT ngày 14/02/2017 của Cục T tỉnh Hải Dương về việc xử lý các sai phạm về thuế đối với Công ty G.

Theo bản tự khai và các lời khai, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Nhà thầu G SA là nhà thầu nước ngoài được Sở xây dựng tỉnh Hải Dương cấp Giấy phép thầu theo Quyết định số 03A/QĐ-GPT-SXD ngày 06/05/2011 được thực hiện Thầu chính thiết kế và xây dựng (tổng thầu) Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty CP chăn nuôi CP V – Chi nhánh Hải Dương tại KCN T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nhà thầu G thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu (phương pháp hỗn hợp).

Ngày 12/03/2013, Nhà thầu G ký Hợp đồng Dự án A332 – C – Nhà máy thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam với Công ty S là tổ chức nước ngoài có trụ sở tại số 2, phố C D, quận 1, thành phố Paris, nước Pháp và không có cơ sở thường trú tại Việt Nam. Tại điều 1 của Hợp đồng quy định:

“Hợp đồng này được lập để thực hiện các dịch vụ sau:

- *Nghiên cứu tính khả thi và tối ưu hóa của quá trình;*
 - *Giám sát bổ sung quá trình thực hiện Hợp đồng giữa G với khách hàng CP Việt Nam;*
 - *Nghiên cứu kỹ thuật”*
- + Tại điều 4 của Hợp đồng quy định:

“Bên mua thanh toán thông qua trụ sở chính, Công ty G tại Paris”;

Theo đó, Nhà thầu G Việt Nam thực hiện thanh toán cho Công ty S với số tiền 47.493.299.922 đồng thông qua Công ty G tại Paris (G Việt Nam chuyển tiền cho G tại Paris, sau đó G tại Paris thanh toán cho Công ty S).

Thứ nhất, về việc truy thu thuế GTGT: Căn cứ quy định tại khoản 1 điều 1, khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/04/2012 của Bộ Tài chính, Công ty G (nhà thầu chính) thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu (phương pháp hỗn hợp). Công ty S là đối tượng không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có phát sinh thu nhập từ Việt Nam trên cơ sở ký hợp đồng nhà thầu đối với bên Việt Nam (Công ty G) và phát sinh thu nhập với số tiền 47.493.299.922 đồng phải kê khai nộp thuế GTGT nhà thầu tại Việt Nam. Công ty G có trách nhiệm kê khai và nộp thay thuế GTGT nhà thầu cho Công ty S. Tuy nhiên, do Công ty G không thực hiện kê khai và nộp thay thuế GTGT nhà thầu

cho Công ty S, do đó Cục T Hải Dương thực hiện truy thu thuế GTGT nhà thầu (nêu trên) là đúng với quy định của pháp luật.

Thứ hai, về việc xử phạt vi phạm pháp luật thuế: Theo quy định tại khoản a điều 11 Nghị định 129/2013/NĐ-CP hướng dẫn về xử phạt hành chính, do Công ty G có trách nhiệm kê khai và nộp thay thuế GTGT nhà thầu cho Công ty S, tuy nhiên Công ty G không thực hiện nộp hồ sơ khai thuế (kê khai thay) và nộp thuế GTGT nhà thầu, do đó Công ty G bị xử phạt 01 lần tiền thuế GTGT là đúng với quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ pháp lý nêu trên, Cục T tỉnh Hải Dương đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương không chấp nhận nội dung khởi kiện của Công ty cổ phần G.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xử hủy quyết định số 510/QĐ-CT về việc “Xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế” đối với Công ty G. Người khởi kiện xác định việc Cục T tỉnh Hải Dương truy thu của C thuế GTGT 2.499.647.364 đồng; phạt một lần tiền thuế tính trên số thuế truy thu với số tiền 2.499.647.364 đồng là không đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty G là không có căn cứ, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi nghị án đúng quy định pháp luật.
- Về giải quyết vụ án, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp và đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào quy định pháp luật về thuế. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G về việc hủy quyết định số 510/QĐ-TCT ngày 14/02/2017 của Cục T tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, nghe ý kiến trình bày, tranh tụng của các bên đương sự, nghe quan điểm giải quyết vụ án của đại diện VKS tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 14/02/2017, Cục T tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 510/QĐ-CT về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế. Ngày 12/02/2018, Công ty G nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương yêu cầu hủy Quyết định 510/QĐ-CT 14/02/2017

là trong thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, G yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương hủy Quyết định 510/QĐ-CT ngày 24/02/2017 của Cục trưởng Cục T tỉnh Hải Dương là cơ quan nhà nước cấp tỉnh. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức ban hành quyết định:

Căn cứ Luật Quản lý thuế năm 2006 sửa đổi bổ sung năm 2012; Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế và Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục T thuộc Tổng cục T (*nay thay thế bằng quyết định 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018*) thì thủ tục và hình thức cũng như thẩm quyền ban hành Quyết định số 510/QĐ-CT ngày 14/02/2017 của Cục trưởng Cục T tỉnh Hải Dương là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung của quyết định:

Ngày 23/12/2010, Công ty G ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. V để thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy xay xát thức ăn gia súc tại Khu công nghiệp T, C, Hải Dương.

Ngày 06/5/2011, Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương cấp Giấy phép thầu theo Quyết định số 03A/QĐ-GPT-SXD để thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy xay xát thức ăn gia súc tại Khu công nghiệp T, C, Hải Dương. Ngày 22/3/2011, G được Cục T tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G và Công ty cổ phần chăn nuôi C.P.V đã 04 lần ký kết “Phụ lục sửa đổi hợp đồng” vào tháng 4/2011; ngày 26/10/2011; ngày 28/01/2012 và ngày 28/3/2013.

Tại Phụ lục sửa đổi hợp đồng IV ngày 28/3/2013, Công ty G với Công ty cổ phần chăn nuôi C.P.V thỏa thuận về các điều khoản của hợp đồng, giá hợp đồng mới, điều khoản thanh toán, phạm vi chi tiết của hợp đồng. Trong đó có nội dung:

“Giá Hợp đồng Mới”: Là tổng giá trị của Hợp đồng được sửa đổi theo Điều 3 của Phụ lục Sửa đổi Hợp đồng này.

“Nhà thầu phụ”: Bên hoặc các bên cung cấp dịch vụ hoặc công việc cho Nhà thầu tại Việt Nam trong phạm vi công việc được thuê thầu thuộc dự án.

Cũng tại Phụ lục sửa đổi hợp đồng IV ngày 28/3/2013, Công ty G với Công ty cổ phần chăn nuôi C.P.V thỏa thuận về phạm vi của “Hợp đồng liên quan đến công tác nghiên cứu quy trình và phân tích rủi ro của quy trình nhà máy ứng với

mỗi phần công việc mở rộng và Phụ lục sửa đổi hợp đồng trước đó; Phạm vi này cũng bao gồm công tác nghiên cứu khả thi và tối ưu hóa quy trình của G theo đó được xem là cần thiết để đảm bảo nhà máy vận hành tốt”.

Ngày 12/03/2013, Nhà thầu G SA ký Hợp đồng Dự án A332 - C - Nhà máy thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam với Công ty S là tổ chức nước ngoài có trụ sở tại số 2, phố C D, quận 1, thành phố Paris, nước Pháp và không có cơ sở thường trú tại Việt Nam. Trong đó, đối tượng công việc là:

“Hợp đồng này được lập để thực hiện các dịch vụ sau:

- Nghiên cứu tính khả thi và tối ưu hóa của quá trình;*
- Giám sát bổ sung quá trình thực hiện Hợp đồng giữa G với khách hàng CP Việt Nam;*
- Nghiên cứu kỹ thuật”*

Công ty G đã thực hiện xong hợp đồng và đã thanh toán cho công ty S số tiền 47.493.299.922 đồng thông qua công ty G tại Paris trên cơ sở thoả thuận đã ký kết ngày 12/3/2013.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định thỏa thuận ngày 12/3/2013 giữa Công ty G với Công ty S để thực hiện nội dung công việc theo như thỏa thuận giữa Công ty G với Công ty cổ phần chăn nuôi C.P.V. Căn cứ vào Phụ lục sửa đổi hợp đồng IV ngày 28/3/2013 giữa Công ty G với Công ty C.P V có nội dung *“Nhà thầu phụ”*: *bên hoặc các bên cung cấp dịch vụ hoặc công việc cho Nhà thầu tại Việt Nam trong phạm vi công việc được thuê thầu thuộc dự án.* Như vậy, xác định Công ty S là nhà thầu phụ có phát sinh thu nhập tại Việt Nam, không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng lại có phát sinh thu nhập từ Việt Nam trên cơ sở ký hợp đồng nhà thầu đối với bên Việt Nam. Do đó, Công ty G phải có trách nhiệm kê khai và nộp thay thuế GTGT nhà thầu cho công ty S theo quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/04/2012 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, Công ty G đã không thực hiện việc kê khai và nộp thuế GTGT thay Công ty S là không đúng. Ngày 14/02/2017, Cục T tính Hải Dương đã ban hành Quyết định số 510/QĐ-CT về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty G và truy thu thuế GTGT 2.499.647.364 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền phạt vi phạm pháp luật thuế: Công ty G có trách nhiệm kê khai và nộp thay thuế GTGT thay cho Công ty S, nhưng Công ty G không thực hiện nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế GTGT nhà thầu, nên công ty G phải bị xử phạt 01 lần tiền thuế GTGT số thuế truy thu với số tiền 2.499.647.364 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định 129/2013/NĐ-CP của

Chính phủ.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định Quyết định 510/QĐ-CT ngày 14/02/2017 của Cục trưởng Cục T tỉnh Hải Dương về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế là đảm bảo về thẩm quyền, thủ tục, hình thức cũng như nội dung theo quy định nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của G không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 29, 30, 32, 116, 164, 193, 298, 299, 302, 304, 306, 307 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Luật Quản lý thuế năm 2006 sửa đổi bổ sung năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định 129/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế; Thông tư 134/2008/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam; khoản 1 Điều 1, khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/04/2012 của Bộ Tài chính; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/QH14 quy định về mức thu án, lệ phí tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty G đối với yêu cầu hủy Quyết định 510/QĐ-CT ngày 14/02/2017 của Cục trưởng Cục T tỉnh Hải Dương về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế.

2. Về án phí:

Công ty G phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003183 ngày 27/02/2018 tại Cục thi hành án tỉnh Hải Dương.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho Cục T tỉnh Hải Dương, ông Hoàng Văn T1 có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty G có quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn